ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 961 /QĐ-UBND	*Đắk Nông, ngày 01 tháng 7 năm 2015*

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch đầu tư phát triển giai đoạn 2016-2020 của Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Đắk Nông

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 99/2012/NĐ-CP ngày 15/11/2012 của Chính phủ về phân công, phân cấp thực hiện quyền, trách nhiệm, nghĩa vụ của chủ sở hữu nhà nước đối với doanh nghiệp nhà nước và vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 79/TTr-SKH ngày 10 tháng 6 năm 2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch đầu tư phát triển giai đoạn 2016-2020 của Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Đắk Nông (có kế hoạch chi tiết kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở, Ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã và Chủ tịch Hội đồng thành viên, Giám đốc Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Đắk Nông và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 2;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KHTH-Ph.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Bốn

UBND TỈNH ĐẮK NÔNG
CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI
* * * * * * * * *

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH, KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN 5 NĂM GIAI ĐOẠN 2016 - 2020

THẨM ĐỊNH SỞ KẾ HOẠC ĐẦU TƯ
KT/ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Đình Đạo

CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CTTL ĐẮK NÔNG

PHÓ GIÁM ĐỐC
Trịnh Văn Tường

PHÊ DUYỆT CỦA UBND TỈNH ĐẮK NÔNG
KT/ CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Bốn

CHƯƠNG I
MỞ ĐẦU

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/11/2005;

Pháp lệnh Khai thác và Bảo vệ công trình thủy lợi được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 04 tháng 4 năm 2001;

Nghị định số 143/2003/NĐ-CP ngày 28/11/2003 và Nghị định số 67/2012/NĐ-CP ngày 10/9/2012 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 143/2003/NĐ-CP ngày 28/11/2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Khai thác và Bảo vệ công trình thủy lợi;

Nghị định số 115/2014/NĐ-CP ngày 03/12/2014 của Chính Phủ về quy định chế độ giám sát, kiểm tra thực hiện chiến lược, kế hoạch, mục tiêu nhiệm vụ được giao của các doanh nghiệp nhà nước;

Nghị định số 99/2012/NĐ-C ngày 15/11/2012 của Chính phủ về phân công, phân cấp thực hiện quyền, trách nhiệm, nghĩa vụ của chủ sở hữu nhà nước đối với doanh nghiệp nhà nước và vốn Nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp;

Quyết định số 2023/QĐ-UBND ngày 14/12/2010 và Quyết định số 395/QĐ-UBND ngày 28/3/2012 sửa đổi bổ sung Quyết định số 2023/QĐ-UBND ngày 14/12/2010 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc phê duyệt Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Đắk Nông; Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu ngày 14/5/2010, thay đổi lần thứ 1 ngày 17/11/2011, thay đổi lần thứ 2 ngày 05/4/2012;

Công văn số 787/UBND-KTTC ngày 01/3/2013 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc triển khai thực hiện Nghị định số 99/2012/NĐ-CP ngày 15/11/2012 của Chính phủ và Công văn số 207/TTg-ĐMDN ngày 07/12/2012 của Thủ tướng Chính phủ;

Công văn số 860/UBND-TH của UBND tỉnh Đắk Nông ngày 04/3/2015 về việc triển khai thực hiện Nghị định số 115/2014/NĐ-CP ngày 03/12/2014 của Chính phủ;

Công văn số 301/SKH-ĐKKD ngày 04/4/2015 của Sở Kế hoạch và Đầu tư về việc triển khai Nghị định số 115/2014 ngày 03/12/2014 của Chính Phủ;

II. GIỚI THIỆU TỔNG QUAN

Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Khai thác công trình thủy lợi tỉnh Đắk Nông (sau đây gọi tắt là "Công ty") là doanh nghiệp hoạt động công ích do Nhà nước nắm giữ 100% vốn, trực thuộc UBND tỉnh Đắk Nông. Được thành lập theo Quyết định số 1937/QĐ-UBND ngày 02/12/2010 của UBND tỉnh Đắk Nông.

Công ty có tư cách pháp nhân kể từ ngày có quyết định thành lập và đăng ký kinh doanh theo quy định của Pháp luật, Công ty có con dấu riêng, được mở tài khoản bằng tiền Việt Nam, ngoại tệ tại các Ngân hàng để giao dịch.

Thời gian hoạt động của Công ty kể từ ngày được cơ quan đăng ký kinh doanh cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Công ty có thể ngừng hoạt động khi có quyết định của Chủ sở hữu hoặc theo yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Mục tiêu: Quản lý, khai thác hiệu quả hệ thống các công trình thủy lợi đã đang và sẽ xây dựng trên địa bàn tỉnh phục vụ tốt nhất cho phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, chống xuống cấp và tiết kiệm chi phí sửa chữa, bảo dưỡng cho Nhà nước, bảo đảm an toàn cho công trình, tính mạng và tài sản của nhân dân khu vực gần công trình.

Mô hình tổ chức bộ máy Công ty theo Điều lệ được phê duyệt gồm: Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty; 02 Phó Giám đốc Công ty (hiện tại 01 Phó Giám đốc phụ trách kỹ thuật); 01 Kế toán Trưởng; 01 Kiểm soát viên. Với tổng số cán bộ, công nhân viên, lao động hiện tại là 126 người (trong đó, Giám đốc Công ty ký hợp đồng lao động là 125 người).

*** Các đơn vị trực thuộc gồm:**

+ 02 phòng chức năng: Phòng Tài vụ- TCHC; Phòng Kỹ thuật -Vận hành;

+ 08 Chi nhánh đóng chân tại địa bàn các huyện, thị xã và 01 cụm quản lý công trình thuộc Chi nhánh huyện Đắk Glong;

+ 01 Ban Quản lý dự án;

+ 01 Xí nghiệp Xây dựng công trình.

*** Phương thức hoạt động sản xuất kinh doanh**

Hàng năm, Công ty xây dựng kế hoạch tưới, tiêu, cấp nước, kế hoạch tài chính trình liên sở: Nông nghiệp & PTNT - Tài chính thẩm định và được UBND tỉnh phê duyệt. Căn cứ vào kế hoạch được phê duyệt, Công ty giao kế hoạch cụ thể cho các Chi nhánh trực thuộc. Các phòng chuyên môn của Công ty chịu trách nhiệm hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra giám sát và tổng hợp báo cáo về tình hình tổ chức thực hiện nhiệm vụ tại các đơn vị trực thuộc.

*** Lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh**

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Khai thác công trình thủy lợi nhằm mục đích tưới tiêu nước phục vụ cho sản xuất nông nghiệp, sinh hoạt và các ngành kinh tế khác.	0899
2	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan: - Lập dự án quy hoạch thủy lợi - Lập dự án đầu tư các công trình thủy lợi - Tư vấn thiết kế các công trình thủy lợi - Quản lý dự án và Tư vấn Giám sát thi công xây dựng các công trình thủy lợi.	7110
3	Hoạt động tư vấn quản lý: - Lập hồ sơ mời thầu các dự án xây dựng công trình thủy lợi	7020
4	Hoàn thiện công trình xây dựng: - Cải tạo, nâng cấp, sửa chữa các hệ thống công trình do Công ty quản lý	4330
5	Xây dựng công trình công ích: - Xây dựng các công trình giao thông và công trình xây dựng dân dụng	4220

	- Tiếp nhận vốn đầu tư từ ngân sách Nhà nước để xây dựng các công trình thủy lợi - Đầu tư, xây dựng, vận hành và kinh doanh các công trình thủy điện nhỏ	
6	Nuôi trồng thủy sản nội địa: - Nuôi trồng thủy sản trên các hồ chứa do Công ty quản lý	0322
7	Xây dựng các công trình kỹ thuật dân dụng khác: - Xây dựng các công trình thủy lợi vừa và nhỏ	4290
8	Đại lý du lịch: - Kinh doanh du lịch sinh thái và các hoạt động phục vụ du lịch trên các Hồ chứa	7911
9	Buôn bán vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng: - Mua, bán vật liệu xây dựng - Mua bán và lắp đặt các loại máy móc, thiết bị cho công trình thủy lợi, thủy điện	4663
10	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao: - Sản xuất vật liệu xây dựng	2395
11	Khai thác, xử lý và cung cấp nước: - Khoan, khai thác và xử lý nước ngầm để cung cấp nước sinh hoạt, công nghiệp & nông nghiệp	3600

*** Cơ cấu lao động hiện có**

Stt	Chỉ tiêu	2014		2015	
		SLĐ	%	SLĐ	%
1	**Tổng số LĐ**	**121**	**100**	**126**	**100**
2	**Phân theo giới tính**				
	LĐ nam	91	75%	93	73,8%
	LĐ nữ	30	25%	33	26,2%
3	**Phân theo chuyên ngành**				
	Chuyên ngành Thủy lợi	68	56,2%	69	54,76%
	Kỹ thuật liên quan	24	19,8%	19	15,08%
	Chuyên ngành Kinh tế	11	9%	24	19,05%
	Chuyên ngành khác	17	14,2%	13	10,31%
	Chưa qua đào tạo	01	0,8%	01	0.8%
4	**Theo trình độ chuyên môn**				
	Thạc sĩ	01	0,8%	01	0,8%
	Đại học	36	29,75%	43	34,13%
	Cao đẳng	18	14,87%	18	14,28%
	Trung cấp	38	31,47%	37	29,36%
	Sơ cấp	27	22,31%	26	20,63%
	Chưa qua đào	01	0,8%	01	0,8%

----------o0o----------

CHƯƠNG II

HIỆN TRẠNG HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT, KINH DOANH, ĐẦU TƯ CỦA CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CTTL ĐẮK NÔNG

I. KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH

Trong những năm qua, sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực công ích, được UBND tỉnh phân giao nhiệm vụ quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thuỷ lợi; hàng năm, điều tiết, cung cấp nước tưới cho diện tích cây trồng các loại, phục vụ nhân dân trên địa bàn của tỉnh sản xuất nông nghiệp; chỉ tiêu doanh thu từ nguồn ngân sách cấp bù do miễn thuỷ lợi phí; kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hàng năm, cụ thể như sau:

1. Thực hiện nhiệm vụ tưới, tiêu và cấp nước:

Trong những năm qua, Công ty luôn hoàn thành 100% kế hoạch diện tích tưới, tiêu, cấp nước được UBND giao. Tốc độ tăng diện tích bình quân năm sau so với năm trước xấp xỉ 117%. Tổng diện tích tưới, tiêu, cấp nước trong các năm 2011, 2012 và năm 2013 là **84.523,57** ha, trong đó:

- Năm 2011 thực hiện 26.479,75 ha; 100% kế hoạch;

- Năm 2012 thực hiện 28.535,01 ha; 100% kế hoạch; đạt 107,76% so với năm 2011;

- Năm 2013 thực hiện 29.487,83 ha; 100% kế hoạch; đạt 111.44% so với năm 2011.

- Năm 2014 thực hiện 36.282,38 ha đạt; 100% kế hoạch; 137,02% so với năm 2011.

2. Đầu tư sửa chữa, nâng cấp công trình

Tổng kinh phí đầu tư vào sửa chữa nhỏ, sửa chữa lớn các công trình thủy lợi đảm bảo mục tiêu cấp nước, đảm bảo an toàn công trình từ năm 2011 đến nay là 151.779.273.000 đồng. Trong đó:

Năm/hình thức sửa chữa	Số công trình	Kinh phí thực hiện (đồng)
- Năm 2011		**20.975.382.000,00**
+ Sửa chữa lớn	5	12.148.310.000,00
+ Sửa chữa nhỏ	42	8.827.072.000,00
- Năm 2012		**19.878.454.000,00**
+ Sửa chữa lớn	6	10.253.740.000,00
+ Sửa chữa nhỏ	65	9.624.714.000,00
- Năm 2013		**43.103.348.000,00**

+ Sửa chữa lớn	11	31.798.277.000,00
+ Sửa chữa nhỏ	78	11.305.071.000,00
- Năm 2014		**67.822.089.000,00**
+ Sửa chữa lớn	21	63.074.382.000,00
+ Sửa chữa nhỏ	20	4.747.707.000,00

3. Sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính

Tổng doanh thu thực hiện trong năm 2011, 2012, 2013 và 2014 là 123,044 tỷ đồng, trong đó:

- Năm 2011 doanh thu thực hiện 23,115 tỷ đồng;
- Năm 2012 thực hiện 23,14 tỷ đồng đạt 100,1% so với năm 2011;
- Năm 2013 thực hiện 35,36 tỷ đồng đạt 152,975 % so với năm 2011;
- Năm 2014 thực hiện 41,429 tỷ đồng đạt 179,23% so với năm 2011;

Với mức tăng trưởng doanh thu tăng hàng năm của Công ty đã góp phần ổn định cho các hoạt động sản xuất kinh doanh, tạo công ăn việc làm, tăng thu nhập cho người lao động, tham gia phát triển kinh tế của tỉnh.

Kết quả sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính từ năm 2011 - 2014

Stt	Nội dung	ĐVT	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014
1	Tổng tài sản	Tr.đồng	1.887.314,7	1.896.631,2	1.936.596,0	2.216.619
2	Vốn chủ sở hữu	Tr.đồng	1.879.235,4	1.887.906,6	1.921.242,8	2.207.319
3	Doanh thu thực hiện	Tr.đồng	23.115,0	23.140,0	35.360,1	41.429
4	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	0	8,3	0,0	0
5	Tỷ suất lợi nhuận/doanh thu	%	0	0,42	0,0	0
6	Các khoản nộp thuế+ bảo hiểm	Tr.đồng	246,6	672,3	897,4	1.688,01
7	Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	Lần	1,31	1,16	1,14	2,8
8	Hệ số nợ phải trả/vốn CSH	%	0,43	0,46	0,79	0,45%
9	Tài sản ngắn hạn	Tr.đồng	10.562	10.137	17.394	26.549
10	Nợ phải trả ngắn hạn	Tr.đồng	8,079	8.724	15.353,2	9.297
11	Sản phẩm cung ứng	Ha	25.892,0	28.549,49	29.508,83	36.362,38
12	Số lao động *(không tính lao động thuê ngoài, lao động thời vụ)*	Người	54	81	108	121
13	Thu nhập BQ/người/tháng	Ng.đồng	5.400,0	5.200,0	5.200,0	5.300

Tài sản, nguồn vốn trong 04 năm từ 2011 - 2014 (đơn vị tính: VNĐ)

STT	Nội dung	2011	2012	2013	2014
I	**Tài sản ngắn hạn**	**10.562.643.481**	**10.136.556.226**	**17.394.073.138**	**26.549.403.535**
1	**Tiền và các khoản tương đương tiền**	**9.407.530.571**	**523.268.225**	**16.997.575.031**	**19.150.766.156**
-	Tiền	9.407.530.571	523.268.225	16.997.575.031	19.150.766.156
2	**Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn**				
3	**Các khoản phải thu ngắn hạn**	**244.707.960**	**9.350.218.288**	**353.548.460**	**3.157.691.023**
-	Phải thu khách hàng	244.707.960	9.207.323.960	311.945.960	297.945.960
-	Trả trước cho người bán		110.000.000	0	2.853.389.560
-	Các khoản phải thu khác		32.894.328	41.602.500	6.355.503
4	**Hàng tồn kho**		-		**3.983.736.881**
5	**Tài sản ngắn hạn khác**	**910.404.950**	**263.069.713**	**1.832.553.991**	**257.209.475**
-	Chi phí trả trước ngắn hạn	1.139.200			
-	Thuế và các khoản khác phải thu nhà nước				172.578.416
-	Tài sản ngắn hạn khác	909.265.750	263.069.713	42.949.647	84.631.059
II	**Tài sản dài hạn**	**1.876.752.057.116**	**1.886.494.644.033**	**1.919.201.979.596**	**2.190.070.538.587**
1	**Các khoản phải thu dài hạn**				
2	**Tài sản cố định**	**1.876.289.794.000**	**1.886.148.808.200**	**1.918.957.917.262**	**2.189.819.074.923**
-	Tài sản cố định hữu hình	1.876.289.794.000	1.886.148.808.200	1.918.957.917.262	2.179.571.344.855
-	- Nguyên giá	1.876.289.794.000	1.886.506.283.283	1.920.148.087.750	2.182.253.599.795
-	- Giá trị hao mòn luỹ kế	-126.376.000	-357.475.083	-1.278.950.488	-2.682.254.940
3	**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**				**10.247.730.068**
III	**Bất động sản đầu tư**				
V	**Tài sản dài hạn khác**	**462.263.116**	**345.835.833**	**244.062.334**	**251.463.664**
-	Chi phí trả trước dài hạn	462.263.116	345.835.833	244.062.334	251.463.664
	Tổng cộng tài sản	**1.887.314.700.597**	**1.896.631.200.259**	**1.936.596.052.734**	**2.216.619.942.122**
VII	**Nguồn vốn**				
1	**Nợ Phải trả**	**8.079.244.097**	**8.724.558.509**	**15.353.228.115**	**9.300.276.130**
2	**Nợ ngắn hạn**	**8.079.244.097**	**8.724.558.509**	**15.353.228.115**	**9.297.570.380**
-	Phải trả người bán	3.929.530.100	2.224.793.099	8.887.406.600	2.996.078.550
-	Thuế và các khoản phải nộp nhà nước		2.278.250	2.545.455	863.636
-	Phải trả người Lao động	817.822.713	1.625.629.488	1.320.275.269	1.612.298
-	Chi phí phải trả	2.700.000.000	4.294.744.104	4.888.510.012	2.389.512.563
-	Phải trả nội bộ		50.000.000	33.390.000	4.000.000
-	Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác	9.673.948	147.573.232	1.372.907	2.233.068.934
-	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	622.217.336	379.540.336	217.022.122	61.748.122
3	**Nợ dài hạn**			**2.705.750**	**2.705.750**
-	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ			2.705.750	2.705.750
VII	**Vốn chủ sở hữu**	**1.879.235.456.500**	**1.887.906.641.750**	**1921.242.824.619**	**2.207.319.664.992**
1	**Vốn chủ sở hữu**	**1.878.816.170.000**	**1.887.896.935.033**	**1.921.178.827.850**	**2.193.507.044.945**
-	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	1.878.816.170.000	1.887.890.173.283	1.921.174.771.850	1.175.291.810.945
-	Quỹ đầu tư và phát triển			4.056.000	4.056.000
-	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		6.761.750		0
-	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản				18.211.178.000
2	**Nguồn kinh phí quỹ khác**	**419.286.500**	**9.706.717**	**63.996.769**	**13.812.621.047**
-	Nguồn kinh phí	419.286.500	9.706.717	63.996.769	13.812.621.047
	Tổng cộng Nguồn vốn	**1.887.314.700.597**	**1.896.631.200.259**	**1.936.596.052.734**	**2.216.619.942.122**

3. Đánh giá về tình hình tài chính

Qua số liệu phân tích tình hình tài chính từ năm 2011 đến năm 2014 của công ty, có những nhận định như sau:

Năng lực thanh toán nợ ngắn hạn và thanh toán dài hạn, năng lực cân đối vốn và năng lực kinh doanh của Công ty tương đối ổn định và phát triển; tỷ lệ tăng doanh thu cung cấp dịch vụ hàng năm phù hợp với tỷ lệ tăng nộp ngân sách và tỷ lệ tăng chi phí. Tuy nhiên, mức tăng lợi nhuận gần như không đổi; điều này hoàn toàn phù hợp với tính chất đặc thù của doanh nghiệp hoạt động cung ứng dịch vụ công ích.

Như vậy, có thể nhận định tình hình tài chính của Công ty trong những năm qua khá ổn định, ít bị chi phối bởi các nhân tố biến động bất lợi. Tuy nhiên, ngân sách phân bổ nguồn kinh phí miễn thủy lợi phí cấp hàng năm còn thiếu so với kinh phí mà Công ty thực hiện. Đồng thời, còn phụ thuộc nhiều vào cơ chế, chính sách, chủ trương đối với lĩnh vực cung ứng dịch vụ của Công ty.

Do vậy, để đảm bảo phát triển ổn định tình hình tài chính của Công ty, hạn chế những rủi ro có thể xảy ra, Công ty sẽ từng bước nghiên cứu tăng doanh thu từ các hoạt động khai thác đa mục tiêu hệ thống công trình thủy lợi. Đồng thời, lập hồ sơ kính trình các Sở, Ban, Ngành có liên quan tham mưu với UBND tỉnh cấp phát đầy đủ, kịp thời nguồn kinh phí do miễn thủy lợi phí mà Công ty đã thực hiện hàng năm.

II. TUYỂN DỤNG, CHẾ ĐỘ CHÍNH SÁCH NGƯỜI LAO ĐỘNG

1. Về tuyển dụng, bố trí công việc

Người lao động được tuyển dụng vào làm việc tại Công ty theo chế độ hợp đồng lao động, được hưởng các quyền và thực hiện nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Lao động nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, các Nội quy, Quy chế và thỏa ước lao động giữa Chủ tịch Công đoàn và Giám đốc Công ty.

Thông qua cấp ủy Chi bộ, Ban giám đốc và các đơn vị trực thuộc có nhu cầu thêm lao động, Giám đốc Công ty ký quyết định tuyển dụng lao động, trên cơ sở người lao động có trình độ học vấn và chuyên môn kỹ thuật phù hợp với công việc do Công ty yêu cầu.

2. Về đào tạo nâng cao trình độ, năng lực chuyên môn

Căn cứ yêu cầu nhiệm vụ cụ thể của Công ty cũng như nhu cầu đào tạo của người lao động, hàng năm Công ty lập kế hoạch và thực hiện tốt các chính sách khuyến khích, tạo điều kiện để người lao động được tham gia các khóa đào tạo ngắn, dài hạn nhằm nâng cao trình độ, năng lực chuyên môn phù hợp với nhiệm vụ công việc mà người lao động đang đảm nhiệm.

Từ năm 2011 đến nay, Công ty đã tổ chức, tham gia Lớp bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý khai thác công trình thủy lợi do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức với số lượng 74 cán bộ, công nhân viên. Trong đó:

- Năm 2011: 07 người (Bộ Nông nghiệp và PTNT tổ chức)

- Năm 2012: 09 người (Bộ Nông nghiệp và PTNT tổ chức)

- Năm 2013: 54 người (Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL tổ chức)

Năm 2013, Công ty cũng đã phối hợp với Trường Cao đẳng nghề Thanh niên dân tộc Tây Nguyên tổ chức đào tạo Lớp Sơ cấp nghiệp vụ quản lý khai thác công trình thủy lợi cho 15 cán bộ, công nhân viên lao động trong Công ty chưa qua đào tạo hoặc đã đào tạo chưa đúng chuyên môn.

Cùng với việc phối hợp với các đơn vị Trường học chuyên môn đào tạo cho cán bộ, công nhân viên lao động trong Công ty nâng cao tay nghề, trình độ để nâng cao năng lực quản lý, khai thác công trình thủy lợi lơi. Trong những năm qua, đặc biệt trong năm 2014, Công ty đã cử, tạo điều kiện cho việc học tập, nâng cao trình độ chuyên môn. Cụ thể:

- Cán bộ, CNV hoàn thành chương trình đại học: 08 người

- Cán bộ, CNV đang tham dự chương trình đại học: 20 người

- Cán bộ, CNV đang tham dự chương trình sau đại học: 02 người

Ngoài rà, Công ty thường xuyên cử các cán bộ, Công nhân viên lao động trong Công ty tham dự các Lớp tập huấn do các Sở, ban, ngành trong, ngoài tỉnh tổ chức. Cụ thể:

- Lớp tập huấn nâng cao năng lực quản lý khai thác công trình thủy lợi do Dự án Phát triển cơ sở hạ tầng nông thôn phục vụ sản xuất cho các tỉnh Tây Nguyên tổ chức vào tháng 10/2014: 26 người.

- Lớp tập huấn tổ chức hợp tác dùng nước do Chi cục Thủy lợi và Phòng chống lụt bão tổ chức vào tháng 10/2014: 14 người.

- Lớp tập huấn Chuyển giao công nghệ mô hình IFAS kiểm soát nguồn nước do Chi cục Thủy lợi và Phòng chống lụt bão tổ chức: 09 người.

3. Về đảm bảo quyền, lợi ích của người lao động

Toàn bộ cán bộ, công nhân viên, người lao động của Công ty đều được ký hợp đồng lao động có xác định thời hạn và dài hạn. Thực hiện chế độ làm việc 08 tiếng/ngày và 48 tiếng/tuần (theo quy định của ngành Thủy nông), được đảm bảo đầy đủ các quyền lợi về BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ, chế độ nghỉ phép, các ngày lễ lớn, nghỉ việc riêng, chế độ trợ cấp, ưu đãi, chế độ đối với lao động nữ,.... thực hiện theo quy định hiện hành. Hàng năm 100% cán bộ, công nhân viên và người lao động được khám sức khỏe định kỳ theo đúng chế độ.

Trang bị đầy đủ dụng cụ bảo hộ lao động, bảo đảm vệ sinh an toàn lao động. Tổ chức tập huấn, huấn luyện định kỳ về vệ sinh an toàn lao động cho người lao động, cải thiện môi trường làm việc tạo điều kiện thuận lợi nhất cho người lao động trong suốt thời gian làm việc tại Công ty.

Chi trả tiền lương, tiền thưởng và các khoản phụ cấp cho người lao động theo Quy chế trả lương của Công ty trên cơ sở hệ thống thang, bảng lương của Nhà nước đã được thông qua tổ chức Công đoàn Công ty và văn bản chấp thuận

của Sở Lao động Thương binh Xã hội. Thu nhập tiền lương bình quân của người lao động năm 2014 là 5,3 triệu/người/tháng.

V. ĐÁNH GIÁ, RÚT KINH NGHIỆM

1. Đánh giá về sắp xếp tổ chức bộ máy, nhân sự

Công ty đã cơ bản ổn định trong công tác sắp xếp tổ chức bộ máy, nhân sự trong 04 năm (2011, 2012, 2013, 2014) đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ đặt ra, đảm bảo về năng lực chuyên môn và kinh nghiệm trong việc quản lý, vận hành công trình, phục vụ tưới, tiêu, cấp nước cho sản xuất nông nghiệp.

Trong những năm tiếp theo, nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển nông nghiệp công nghệ cao, nâng cao chất lượng hàng hoá nông nghiệp, đảm bảo phát triển bền vững cho người nông dân. Công ty tiếp tục sắp xếp, đổi mới công tác tổ chức bộ máy nhân sự theo hướng: nâng cao năng lực, kỹ năng quản lý của đội ngũ lãnh đạo; nâng cao năng lực, trình độ chuyên môn của đội ngũ cán bộ, công nhân viên, lao động; sắp xếp các phòng, ban, đơn vị trực thuộc đáp ứng với nhu cầu thực tế trong sản xuất kinh doanh.

Việc sắp xếp đổi mới tổ chức, bộ máy nhân sự đảm bảo không làm xáo trộn, không làm dao động tư tưởng của người lao động. Đồng thời, luôn đảm bảo thực hiện tốt các chế độ, chính sách cho người lao động.

2. Đánh giá về hoạt động sản xuất kinh doanh

Với đặc điểm là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực cung ứng dịch vụ tưới nước, tiêu nước và cấp nước phục vụ sản xuất nông nghiệp. Trong thời gian qua, Công ty đã thực hiện tốt nhiệm vụ được UBND tỉnh giao, luôn hoàn thành tốt các chỉ tiêu, kế hoạch hàng năm.

Là doanh nghiệp mới với đặc thù riêng, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong thời gian qua luôn được sự quan tâm đặc biệt của các Tỉnh uỷ, Hội đồng Nhân dân, Uỷ ban nhân dân, các Sở, Ngành và UBND các huyện, thị xã trong tỉnh.

Được thành lập trong thời kỳ thực hiện, chính sách miễn giảm thuỷ lợi phí đối với người dân. Do đó, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong thời gian qua tương đối thuận lợi, chủ yếu chú trọng đến khâu tạo ra sản phẩm cung ứng dịch vụ tốt nhất: Đảm bảo cung ứng đủ, cung ứng kịp thời.

Bên cạnh những kết quả đã đạt được của Công ty trong thời gian vừa qua, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty vẫn còn những hạn chế nhất định: Chưa tạo được sự gắn kết chặt chẽ với người dân để thoả thuận, ràng buộc trong công tác tưới, tiêu và cấp nước; chưa đẩy mạnh các hoạt động khai thác tổng hợp hệ thống công trình thủy lợi.

----------o0o----------

CHƯƠNG III
KẾ HOẠCH SẢN XUẤT, KINH DOANH, KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN 5 NĂM GIAI ĐOẠN 2016-2020

I. MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN GIAI ĐOẠN 2016 - 2020

1. Mục tiêu phát triển

Công ty TNHH TNHH MTV khai thác CTTL Đắk Nông được UBND tỉnh thành lập theo Quyết định số 1937/QĐ-UBND ngày 02/12/2010 với nhiệm vụ chính là quản lý, khai thác công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh phục vụ tốt nhất cho phát triển kinh tế xã hội của tỉnh, chống xuống cấp và tiết kiệm chi phí sửa chữa, bảo dưỡng cho Nhà nước, bảo đảm an toàn cho công trình tính mạng, tài sản của nhân dân khu vực gần công trình.

Từ nhiệm vụ trên, Công ty xây dựng mục tiêu tổng quát trong những năm tới là thực hiện đổi mới toàn diện cơ cấu tổ chức, lãnh đạo tập trung vào các nhiệm vụ then chốt được Ủy ban nhân dân tỉnh giao; tạo động lực phát huy tốt nhất hiệu quả hoạt động, khẳng định vai trò nòng cốt của Công ty đối với lĩnh vực ngành Nông nghiệp và phát triển nông thôn cũng như khẳng định vai trò quan trọng trong sự nghiệp phát triển kinh tế xã hội của tỉnh.

Các mục tiêu cụ thể cần đạt được trong giai đoạn 2016-2020:

(1) Thiết lập được cơ cấu tổ chức hợp lý hơn, cơ chế phối hợp hoạt động giữa các đơn vị trực thuộc và các cá nhân trong Công ty tốt hơn;

(2) Thiết lập được cơ cấu về nguồn nhân lực hợp lý, đủ mạnh về cả số lượng và năng lực trình độ chuyên môn, đap ứng yêu cầu nhiệm đặt ra;

(3) Thiết lậpđược cơ cấu tài chính đủ mạnh, tăng doanh thu, giảm chi phí nâng cao hiệu quả nguồn kinh phí hỗ trợ từ ngân sách; đảm bảo hoạt động tài chính chặt chẽ, ổn định

(4) Thiết lập cơ chế quản lý tài sản được Nhà nước giao tốt nhất; đảm bảo hạn chế mức hư hỏng, xuống cấp đến mức thấp nhất của hệ thống các công trình thủy lợi, phát huy tối đa năng lực phục vụ, hiệu quả khai thác;

(5) Thiết lập cơ chế, chính sách đảm bảo Công ty, hoạt động hiệu quả nhất, đồng thời tạo động lực khuyến khích, thu hút người lao động có năng lực, trình độ chuyên môn, nâng cao hiệu suất và chất lượng công việc.

2. Giải pháp thực hiện mục tiêu giai đoạn 2016 -2020

a. Nhận định về khó khăn giai đoạn 2016 -2020

Tỉnh Đắk Nông với đặc điểm kinh tế chủ yếu là sản xuất nông nghiệp, sự quan tâm của các ngành, các cấp về phát triển, quản lý, và khai thác công trình thủy lợi luôn được chú trọng hàng đầu. Đây là điều kiện tiên quyết để Công ty phát triển mạnh mẽ và toàn diện hơn. Ngoài ra, Công ty được thành lập trong giai đoạn Đảng và Nhà nước đang thực hiện triển khai chính sách miễn thủy lợi phí, Chính sách này làm cho Công ty nhanh chóng duy trì ổn định và thực hiện tốt nhiệm vụ sản xuất kinh doanh chính được UBND tỉnh giao dù mới được thành lập

Bên cạnh những thuận lợi, cũng không thể tránh khỏi những bất lợi đặc biệt trong thời kỳ lạm phát, tăng trưởng kinh tế chậm, thắt chặt các khoản đầu tư công. Trong khi nhu cầu của xã hội về sản phẩm hàng hóa ngày đòi hỏi càng cao về số lượng, chất lượng giá thành. Trong trường hợp không còn chính sách cấp bù do miễn thủy lợi phí trong những năm tới, Công ty phải đối mặt với hàng loạt những khó khăn thách thức như:

- Phát sinh các khoản nợ phải thu, nợ phải thu khó đòi do triển khai thu trực tiếp từ người dân - Nợ đọng thủy lợi phí;

- Doanh thu thủy lợi phí giảm do tình trạng nợ đọng thủy lợi phí và tình trạng chốn tránh thủy lợi phí;

- Chi phí đầu tư sửa chữa thường xuyên, sửa chữa lớn hệ thống công trình thủy lợi giảm, hạ tầng thủy lợi hư hỏng xuống cấp nhanh chóng, năng lực phục vụ không đảm bảo;

- Chi phí nhân công tăng cao do cần bố trí sắp xếp nhiều lao động thực hiện nhiệm vụ thu thủy lợi trực tiếp từ người dân;

- Thu nhập bình quân của người lao động giảm do doanh thu giảm và các chi phí tăng lên;

b. Giải pháp thực hiện mục tiêu

- Tăng cường công tác quản lý, bảo vệ công trình, đặc biệt chú trọng công tác duy tu bảo dưỡng hạn chế thấp nhất mức hư hỏng, xuống cấp công trình;

- Từng bước đẩy mạnh phát huy hiệu quả khai thác tổng hợp công trình thủy lợi. Trong đó tập trung vào các lĩnh vực: khai thác mặt thoáng hồ chứa, phát triển kinh doanh du lịch, cấp nước sinh hoạt một cách có quy mô...;

- Tăng cường quản lý nhân lực nhằm phát huy tốt hiệu quả năng lực người người lao động, duy trì tốt việc làm thường xuyên cho người lao động.

- Chủ động tích cực huy động nhiều nguồn vốn để đầu tư sửa chữa lớn, sửa chữa cấp bách và hoàn thiện hệ thống công trình thủy lợi;

- Lập phương án, giải pháp tổ chức thu thủy lợi phí trực tiếp từ người dân, trên cơ sở mức thu thủy lợi phí được UBND tỉnh quy định. Cân đối sử dụng lao động hợp lý, hạn chế tối đa chi phí nhân công, bố trí công việc phù hợp để sử dụng lao động sẵn có;

Từ những mục tiêu, giải pháp thực hiện mục tiêu giai đoạn 2016-2020, Công ty xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh 2016- 2020 như sau:

II. KẾ HOẠCH TỔ CHỨC BỘ MÁY, NHÂN SỰ, TIỀN LƯƠNG

1. Các chức danh quản lý Công ty

Về cơ bản vẫn giữ nguyên các chức danh quản lý như cũ, bao gồm: Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty; 01 Phó Giám đốc Công ty phụ trách về kỹ thuật; 01 Kế toán Trưởng; 01 Kiểm soát viên Công ty. Đồng thời, bổ sung 01 chức danh Phó Giám đốc, phụ trách công tác tài chính.

2. Các phòng chuyên môn

- Chuyển đổi Phòng Tài vụ tổ chức hành chính thành Phòng Kế hoạch Tài chính và phòng Tổ chức hành chính;

- Chuyển đổi Phòng Kỹ thuật vận hành thành Phòng Quản lý công trình và Quản lý tưới tiêu;

- Quy định lại chức năng nhiệm vụ của các phòng phù hợp với đặc điểm, tình hình thực tế tại Công ty, đảm bảo mỗi phòng đều có đầy đủ các chức danh Trưởng, Phó phòng.

3. Các đơn vị trực thuộc

- Thành lập 01 Xí nghiệp Dịch vụ theo Điều lệ đã phê duyệt, hoạt động theo hình thức hạch toán độc lập; nguồn vốn kinh doanh tự huy động (không sử dụng nguồn vốn của doanh nghiệp); tự cân đối nguồn để trang trải các khoản chi phí phát sinh, thực hiện các nghĩa vụ đối với Nhà nước.

- Nâng cấp Cụm Khai thác CTTL Đức Xuyên thành Chi nhánh huyện Đức Xuyên sau khi có quyết định thành lập đơn vị hành chính huyện Đức Xuyên;

- Thành lập Trung tâm Thí nghiệm tưới Ứng dụng Công nghệ cao tại huyện Đắk Mil.

4. Cơ cấu lao động

Định hướng giai đoạn 2016 -2020, ngoài nhiệm vụ duy trì tốt hoạt động khai thác công trình thủy lợi, Công ty mở rộng thêm một số lĩnh vực kinh doanh như: đầu tư xây dựng, đại lý du lịch, sản xuất tiêu thụ và cung cấp thiết bị vật tư xây dựng. Đồng thời chú ý đẩy mạnh phát triển khoa học kỹ thuật, ứng dụng công nghệ vào sản xuất kinh doanh. Vì vậy, trong giai đoạn 2016 -2020 cơ cấu tuyển dụng lao động nữ tăng lên và mở rộng các chuyên ngành tuyển dụng, nâng cao trình độ tuyển dụng và sử dụng lao động.

Cơ cấu lao động giai đoạn 2016-2020

Stt	Chỉ tiêu	2016	2017	2018	2019	2020
1	**Tổng số LĐ**	**152**	**180**	**208**	**244**	**278**
2	**Phân theo giới tính**					
	LĐ nam	112	134	161	193	220
	LĐ nữ	40	46	47	51	65
3	**Phân theo chuyên ngành**					
	Chuyên ngành Thủy lợi	83	107	130	159	185
	Kỹ thuật liên quan	31	37	43	50	57
	Chuyên ngành Kinh tế	24	24	24	24	26
	Chuyên ngành khác	13	12	11	11	10
	Chưa qua đào tạo	01	0	0	0	0
4	**Theo trình độ chuyên môn**					
	Thạc sĩ	3	4	6	8	12
	Đại học	53	65	75	88	100
	Cao đẳng	32	45	62	78	90
	Trung cấp	37	43	50	58	66
	Sơ cấp	26	22	15	12	10
	Chưa qua đào tạo	1	0	0	0	0

5. Chính sách, tiền lương

Thực hiện đúng chế độ chính sách và cải cách tiền lương, đảm bảo người lao động có tích luỹ từ tiền lương, không để xảy ra tranh chấp lao động và đình công;

Xây dựng và thực hiện trả lương theo vị trí, chức danh, nghiên cứu mở rộng khoảng cách giữa các bậc lương, cơ chế đặc thù để trả lương, tạo động lực cho các nhân tài và lao động lành nghề, chuyên môn cao;

Thực hiện đầy đủ các quyền và lợi ích hợp pháp cho người lao động: An toàn, vệ sinh lao động; kiểm tra sức khoẻ định kỳ; thời gian làm việc, nghỉ ngơi theo quy định; đảm bảo đầy đủ các quyền lợi về BHXH, BHYT, BHTN,.. chế độ trợ cấp, ưu đãi, chế độ đối với lao động nữ, người có công với cách mạng.

6. Sơ đồ tổ chức bộ máy Công ty giai đoạn 2016 -2020

HÌNH 2: SƠ ĐỒ TỔ CHỨC BỘ MÁY CÔNG TY GIAI ĐOẠN 2016 -2020.

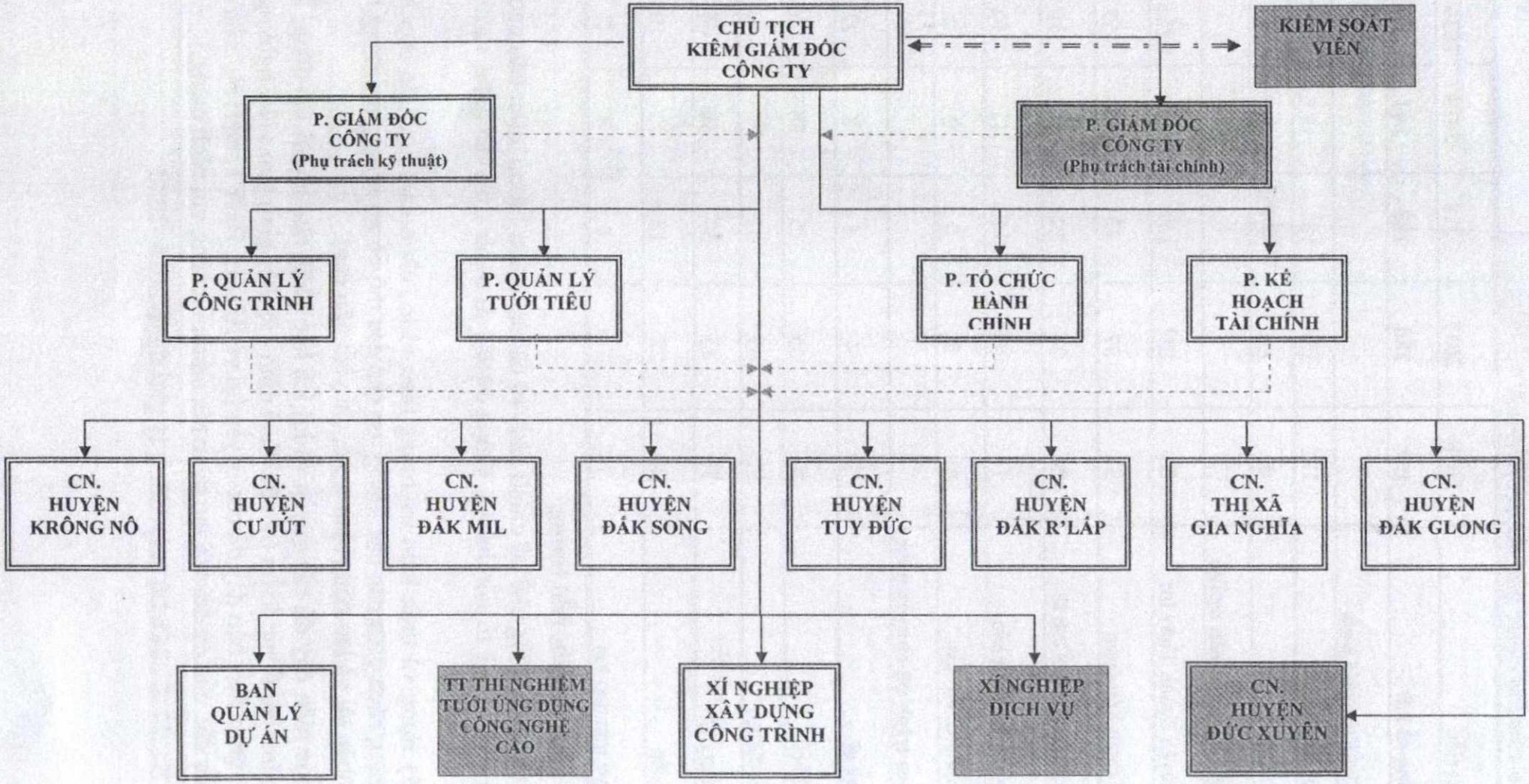

Ghi chú:

Bộ phận dự kiến thành lập;

Bộ phận đã và đang hoạt động;

Tham mưu, giúp việc;

Chỉ đạo trực tiếp

Kiểm tra, giám sát

III. KẾ HOẠCH LĨNH VỰC, NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Các ngành nghề sản xuất kinh doanh của Công ty vẫn giữ nguyên theo Điều lệ đã được phê duyệt và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đã được cấp. Điều này không có nghĩa là dàn trải ngành nghề kinh doanh mà là duy trì những hoạt động nhằm thực hiện tốt nhiệm vụ công ích UBND tỉnh giao. Đồng thời, duy trì một số ngành nghề nhằm lợi dụng khai thác đa mục tiêu từ hệ thống công trình thuỷ lợi theo chủ trương, chính sách của Nhà nước, nhằm phát huy những nội lực sẵn có, hoàn thành tốt nhiệm vụ công ích, tăng doanh thu hàng năm, hạn chế những rủi ro có thể xảy ra, tạo việc làm và tăng thu nhập cho người lao động, trong lộ trình thực hiện sắp xếp, đổi mới hoạt động của Công ty.

Kế hoạch sản xuất kinh doanh 2016 -2020:

STT	Nội dung	ĐVT	2016	2017	2018	2019	2020
1	Kế hoạch cấp nước, tưới nước, tiêu nước	ha	39.781	41.651	43.609	45.658	47.804
2	Kế hoạch doanh thu	tr.đồng	41.118	46.052	51.759	56.737	65.000
3	Kế hoạch chi	tr.đồng	41.088	46.002	51.694	56.653	63.890
4	Cân đối thu chi lỗ lãi	tr.đồng	30	50	65	84	110
-	Lỗ (lãi) khai thác CTTL	tr.đồng	0	0	0	0	0
-	Lỗ(lãi) kinh doanh khác	tr.đồng	30	50	65	84	110
5	Kế hoạch lao động	người	152	180	208	244	278

IV. KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH

1. Một số chỉ tiêu kế hoạch tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	ĐVT	2016	2017	2018	2019	2020
Tổng tài sản	Tỷ đồng	2.282	2.350	2.421	2.518	2.572,9
Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	2.258	2.326	2.396	2.468	2.572,9
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Tr. đồng	41.118	46.052	51.759	56.737	65.000
Các khoản nộp ngân sách	Tr.đồng	172	292	497	854	1.008
Thu nhập Bq người/tháng	Ng.đồng	5.400	5.500	5.600	5.700	5.800

V. KẾ HOẠCH QUẢN LÝ, BẢO VỆ CÔNG TRÌNH THỦY LỢI, CUNG ỨNG DỊCH VỤ TƯỚI, TIÊU, CẤP NƯỚC

Duy trì quản lý, khai thác 187 công trình và hệ thống công trình thủy lợi hiện tại có hiệu quả. Tiếp tục nhận bàn giao các công trình hoàn thành, đưa vào

sử dụng năm 2015 sau khi có chủ trương bàn giao từ UBND tỉnh. Tiếp nhận thêm các công trình thủy lợi được hoàn thành đưa vào sử dụng.

Duy trì công tác phát dọn toàn bộ công trình đầu mối, hệ thống kênh mương, đảm bảo công trình luôn đạt trạng thái tốt nhất nhằm phục vụ công tác tưới, tiêu, cấp nước và đảm bảo an toàn công trình.

Ngăn chặn các trương hợp lấn chiếm hành lang an toàn mới, từng bước giải quyết tình trạng lấn chiếm hành lang an toàn từ lâu. Triển khai khảo sát, cắm mốc bảo vệ hành lang an toàn đối với các hạng mục đầu mối công trình.

Duy trì công tác kiểm tra thiết bị vận hành đóng mở; huy động nhân công nạo vét kênh mương, khai thông dòng chảy, xử lý rò rỉ, thất thoát nguồn nước; công tác nhận định đánh giá khả năng nguồn nước thực hiện các phương án giải pháp cân đối nguồn nước để điều tiết hợp lý.

Duy trì công tác theo dõi mực nước, nhận định nguồn nước, cập nhật, tổng hợp, báo cáo.

Xây dựng chương trình tập huấn, đào tạo nâng cao năng lực của người lao động tham gia hoạt động quản lý, khai thác CTTL;

Xây dựng quy trình vận hành điều tiết các công trình thủy lợi trên địa bàn toàn tỉnh. Duy trì thường xuyên công tác quản lý an toàn đập như: công tác kiểm tra an toàn đập; lập phương án bảo vệ đập, tổ chức kiểm định đập....

VI. KẾ HOẠCH SỬA CHỮA CÔNG TRÌNH THỦY LỢI

- Đầu tư sửa chữa đối các công trình xuống cấp có nguy cơ mất an toàn công trình với tổng cộng 41 công trình xuống cấp, tổng mức đầu tư dự kiến 442,50 tỷ đồng.

- Đầu tư hoàn thiện hệ thống các kênh mương, sửa chữa cấp bách,sửa chữa lớn bằng nhiều nguồn vốn huy động khác nhau đảm bảo phục vụ tốt nhất công tác tưới, tiêu, cấp nước.

- Thực hiện công tác duy tu sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ hàng năm theo định mức kinh tế kỹ thuật do UBND tỉnh ban hành bằng nguồn cấp bù thủy lợi phí *(0,53% /năm/ tổng giá trị các công trình thủy lợi)*.

CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI ĐẮK NÔNG

PHÓ GIÁM ĐỐC

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI T. ĐẮK NÔNG

Trịnh Văn Tường